

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Kế toán /Bachelor of Accounting
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Kế toán/ Accounting
Mã ngành/Code:	7340301
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	225/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Kiểm định chương trình:	
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Viện Kế toán – Kiểm toán

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

CTĐT ngành Kế toán đào tạo về kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm toán và kiểm soát nhằm nâng cao năng lực hành nghề kế toán đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. CTĐT trang bị cho sinh viên kiến thức ngành cũng như kiến thức nền tảng rộng, các kỹ năng và thái độ cần thiết nhằm cung cấp nguồn nhân lực kế toán chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của đất nước. CTĐT rèn luyện sinh viên những phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và nắm vững kiến thức chuyên môn toàn diện về kế toán, kỹ năng thực hành cơ bản, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán, có năng lực học tập suốt đời.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Áp dụng được kiến thức ngành và kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.
PO2	Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp kế toán.
PO3	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp kế toán.
PO4	Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học hiệu quả trong công việc.
PO5	Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập,

	nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô và vi mô.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Vận dụng kiến thức về kế toán vào tổ chức và thực hiện công tác kế toán trong các đơn vị.
PLO1.5	Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, kiểm soát và tài chính vào phân tích, đánh giá các hoạt động của đơn vị.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng)
PLO2.2	Thành thạo tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Có kỹ năng phân biện, phê phán đối với việc áp dụng các chính sách và phương pháp kế toán trong các đơn vị.
PLO2.4	Có kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong việc nhận diện, phân loại, đo lường, ghi nhận, lập và phân tích báo cáo kế toán trong các đơn vị.
PLO2.5	Có các kỹ năng giao tiếp; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn trong công việc.
PLO2.6	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, chuyên nghiệp và khả năng thích nghi cao trong công việc.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc.
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học.
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn.

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1.1	x				
PLO1.2	x				
PLO1.3	x				
PLO1.4	x				
PLO1.5	x				
PLO2.1				x	
PLO2.2				x	
PLO2.3		x			
PLO2.4		x			
PLO2.5			x		
PLO2.6			x		
PLO3.1					x
PLO3.2					x
PLO3.3					x
PLO3.4					x

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm:

Cử nhân ngành Kế toán có khả năng làm việc tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư, các tổ chức phi chính phủ... với chức danh như kế toán viên, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, chuyên viên tài chính, giám đốc tài chính, giảng dạy về kế toán trong các cơ sở giáo dục và nghiên cứu về kế toán.

Cử nhân ngành Kế toán sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành chuyên gia tư vấn, định giá độc lập về kế toán, thuế, tài chính, tư vấn giải pháp phần mềm,... và giám đốc điều hành ở các tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước.

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: Cử nhân ngành Kế toán có thể tham gia các chương trình đào tạo ở trình độ sau đại học.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
- đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng -An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		47		
	1.1. Các học phần chung		14		
1	1 Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I-II	

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II-III-IV	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III=> VI	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III-VI	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV=> VII	
6	6	Pháp luật đại cương /Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất/ Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
1.2. Các học phần chung của Trường				21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV-V	
11	5	Ngoại ngữ / Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực				12		
12 13 14 15	1	Quản lý học 1/ Essentials of Management 1	QLKT1101	3	I	
	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ / Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	II/III	KHMI1101 KHMA1101
	3	Nguyên lý kế toán/ Accounting Principles	KTKE1101	3	I/II	
	4	Quản trị kinh doanh 1/Business Management 1	QTTH1102	3	I	
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83		
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành				12		
16 17 18 19	1	Kế toán tài chính 1/ Financial Accounting 1	KTTC1106	3	II	KTKE1101
	2	Kế toán quản trị 1/ Managerial Accounting 1	KTQT1103	3	III	KHMI1101
	3	Kiểm toán căn bản / Basic Auditing	KTKI1101	3	V	KTKE1101 NHLT1107
	4	Hệ thống thông tin kế toán 1/ Accounting Information Systems 1	KTHT1101	3	VI/VII	KTTC1106; KTQT1103
2.2. Các học phần của ngành				61		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				31		
20	1	Kế toán quốc tế/ International Accounting	KTKE1108	3	IV	KTTC1106
21	2	Kế toán quản trị 2/ Managerial Accounting 2	KTQT1106	3	IV	KTQT1103
22	3	Kế toán tài chính 2/ Financial Accounting 2	KTTC1107	3	IV	KTTC1106
23	4	Kiểm toán tài chính 1/ Financial Audit 1	KTKI1108	3	V	KTKI1101
24	5	Phân tích báo cáo tài chính/ Financial Statement Analysis	KTTC1111	3	IV	KTKE1101

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
25	6	Kế toán tài chính 3/ Financial Accounting 3	KTTC1114	3	V	KTTC1107
26	7	Phân tích kinh doanh/ Business Analysis	KTQT1107	3	IV	KHMI1101
27	8	Kiểm soát nội bộ/ Internal Control	KTHT1105	3	III	KHMI1101; KHMA1101
28	9	Kế toán công 1/ Accounting for Public Sector 1	KTKE1109	3	IV	KTKE1101
29	10	Chuyên đề thực tế (Project)	KTTC1121	4	IV-V-VI	KTTC1106
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)				30		
30 ... 34 35 ... 39	1	Kế toán nâng cao 1 Advanced Accounting 1	KTTC1117	3	VI	KTTC1106
	2	Hệ thống thông tin kế toán 2 Accounting Information Systems 2	KTHT1102	3	VI/ VII	KTHT1101
	3	Kiểm toán tài chính 2 Financial Auditing 2	KTKI1109	3	VI	KTKI1108
	4	Kế toán dự án đầu tư Investment Project Accounting	KTKE1107	3	VI/VII	KTKE1101
	5	Pháp luật kinh tế Economic Law	LUKD1185	3	II/III	LUCS1129
	6	Thẩm định dự án đầu tư Investment Project Appraisal	DTKT1170	3	II/III	KHMI1101, KHMA1101
	7	Kế toán chi phí Cost Accounting	KTQT1109	3	II/III	KHMI1101
	8	Kế toán nâng cao 2 Advanced Accounting 2	KTTC1118	3	VI/VII	KTTC1106
	9	Kế toán công 2 Accounting for Public Sector 2	KTKE1110	3	V	KTKE1109;
	10	Phân tích dữ liệu trong kế toán Data Analytics for Accounting	KTHT1104	3	VI	KHMI1101; KHMA1101
	11	Kiểm soát quản lý Management Control	KTKI1105	3	VII	KTKI1101 KTQT1103
	12	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	III/IV	NHLT1107, KTTC1106
	13	Tài chính công Public Finance	NHCO1107	3	III/IV	KHMI1101, KHMA1101
	14	Thuế/ Taxation	NHCO1111	3	III/IV	KHMI1101, KHMA1101
	15	Ngân hàng thương mại/ Commercial Bank	NHTM1121	3	V	NHLT1107
40	2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)		KTTC1120	10	VII/VIII	KTTC1107, KTHT1101
Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)				130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây: Giảng viên giảng lý thuyết, thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, thuyết trình nhóm.

- Đóng góp của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận/tóm tắt...

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).

- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.

- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

(1) Chương trình Đào tạo ngành Kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, link tra cứu:

<https://student.ueh.edu.vn/Public/TraCuuCTDT?G=8K4J2oLxgeQ=&D=S7h8fyIOSJc=&O=Fq13qiI00vA=&C=RM+2ZE7bOMw=&S=87oyXahRcbXBsPvARlHhEQ==>

(2) Chương trình Đào tạo ngành Kế toán, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng:

<https://due.udn.vn/vi-vn/khoa/ke-toan/gioi-thieu/cid/3475> ✓

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - Trợ giảng các học phần cơ sở khối ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ...

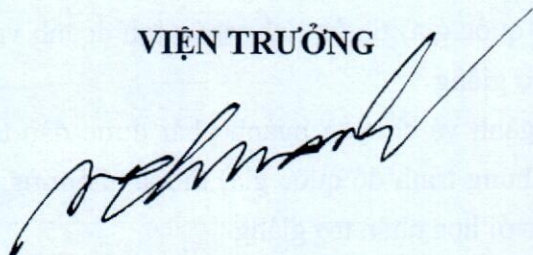
được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.
- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.
- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

VIỆN TRƯỞNG



GS.TS Nguyễn Hữu Ánh

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương